

Ngày: 31-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Giàu (Giáo viên)

Ông Trần Văn Hưng

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Hoàng Út – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 93/2017/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN KHẮC Đ (Bánh C), sinh năm: 1993 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 95/5, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp P, xã Ph, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: thợ sơn; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1962; Chưa có vợ; Tiền án: Tại Bản án số 71/2014/HSST ngày 03/7/2014 của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố H đã xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 05/7/2017 cho đến nay. (Có mặt)

2. TRẦN THANH V (V HI), sinh năm: 1995 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 360C, khu phố H, Phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 1/12; Con ông Trần Thanh P, sinh năm: 1975 và bà Lê Thị L, sinh năm: 1979; Chưa có vợ; Tiền án: không; Tiền sự: Tại Quyết định số 52/QĐ-XPHC này 25/4/2017 của Công an Phường T, thành phố B đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị bắt tạm giam ngày 05/7/2017 cho đến nay. (Có mặt)

2. TẠ TẤN T (Nhóc T), sinh ngày: 22/02/2001 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 406B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; con ông Tạ Công L, sinh năm: 1973 và bà Lê Thị Hồng L, sinh năm: 1978; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Tạ Tấn T:*

Bà Lê Thị Hồng L (mẹ bị cáo T), sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: Số 406B, ấp, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Tạ Tấn T:* Ông Nguyễn Minh Khoa – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Trần Thanh T, sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Số 184, đường T, khu phố H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Có mặt)

2. Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày: 21/01/2004;

Nơi cư trú: Số 480B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại T:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1963;

Nơi cư trú: Số 480B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

3. Bùi Thị Bích N, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Số 255F, ấp B, xã B, thành phố B tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

4. Đặng Thị Hoàng M, sinh ngày: 12/12/1999;

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại M:

Bà Phạm Thị Thu S, sinh năm: 1966;

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

5. Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày: 22/12/2000;

Nơi cư trú: Số 432B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại N:

Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1969;

Nơi cư trú: Số 432B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1949;

Nơi cư trú: Số 406B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Phan Hữu H, sinh ngày: 21/12/2001;

Nơi cư trú: Số 523D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Hữu H:

Bà Ngô Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: Số 523D, ấp P, xã P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Lê Xuân Trường, sinh năm: 1992;
Nơi cư trú: Số 356C, khu phố 2, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Lê Nguyễn Thùy T, sinh ngày: 11/8/2004;
Nơi cư trú: Số 36, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Lê Nguyễn Thùy T:

Nguyễn Thị Lệ H; Nơi cư trú: Số 36, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

2. Đặng Thị Hoàng D, sinh ngày: 12/12/1999;
Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)
Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Đặng Thị Hoàng D:

Phạm Thị Thu S, sinh năm: 1966;

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Hồ Phương K, sinh năm: 1997;
Nơi cư trú: Số 37, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 12/6/2017 đến ngày 04/7/2017, trên địa bàn các huyện M, CT và thành phố B, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Khắc Đ một mình và cùng với Trần Thanh V và Tạ Tấn T có hành vi thực hiện nhiều vụ cướp giật tài sản:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 12/6/2017, trong lúc đang ở tiệm Internet 39 ở thành phố B, tỉnh Bến Tre, Trần Thanh V rủ Nguyễn Khắc Đ đi tìm tài sản để giật thì Đ đồng ý. Để thực hiện ý định, V điều khiển xe mô tô biển số 71AA-100.58 (xe Đ mượn của Phan Hữu H) chở Đ từ thành phố Bến Tre qua huyện M. Khi đến đoạn gần cầu MC thuộc khu phố B, thị trấn M, huyện M, Đ phát hiện chị Trần Thanh T đang điều khiển xe mô tô biển số 71H7-5545 chạy cùng chiều phía trước, trong túi áo khoát bên phải của chị T có để 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, màu hồng nhạt nên Đ hỏi V “thấy điện thoại của chị đó không” thì V trả lời “thấy” rồi V điều khiển xe mô tô chạy vượt lên áp sát bên phải xe của chị T để Đ ngồi sau dùng tay trái giật lấy điện thoại trong túi áo khoát của chị T rồi V nhanh chóng tăng ga xe chở Đ tẩu thoát. Sau khi giật được điện thoại của chị Thúy, V và Đ đem điện thoại vừa giật được đến bán cho tiệm Thanh T ở Phường H, thành phố B được 2.600.000 đồng, chia đều nhau tiêu xài. Hiện tài sản không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ: 01 hộp điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, số IMEI: 355079/08/261290/9 (do chị Trần Thanh T giao nộp).

Theo hồ sơ định giá tài sản số 27/QĐ-HĐĐG ngày 21/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M kết luận: 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, loại 16GB, màu hồng nhạt, đã qua sử dụng trị giá vào ngày 12/6/2017 là 2.600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào ngày 23/6/2017, Trần Thanh V điện thoại rủ Tạ Tấn T đi cướp giật tài sản thì T đồng ý nhưng do không có xe nên T nói với V khi nào có xe T sẽ đến rước. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/6/2017, T mượn được xe mô tô biển số 71B2-593.94 của Hồ Phương K nên điều khiển xe mô tô đến nhà nghỉ Sơn Thịnh thuộc phường P, thành phố B để cùng V đi cướp giật tài sản. T điều khiển xe mô tô biển số 71B2-593.94 chở V đi trên đường lộ Bờ Đấp hướng về Chợ Giữa. Khi đến đoạn gần chùa Trường Quang thuộc ấp P, xã P, thành phố B, cả hai phát hiện em Nguyễn Thị Anh T (Sinh năm: 2004) điều khiển xe đạp điện chở sau em Lê Nguyễn Thùy T (Sinh năm: 2004) đang chạy cùng chiều phía trước, trong rổ xe của T có để 01 giỏ xách bằng da, màu đen, có hình Hello Kitty màu trắng, bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, tiền Việt Nam 450.000 đồng, 05 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, 01 cuốn vở, 02 cây viết mực màu xanh và 01 cây thước nhựa dẻo. Thấy vậy, T điều khiển xe mô tô vượt lên áp sát vào bên trái xe đạp điện của T để V ngồi sau giật lấy giỏ xách của Thư rồi T nhanh chóng tăng ga xe chở V tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, T hỏi V giật được gì không thì V nói có tiền, điện thoại di động và một số tập sách học sinh. Khi chạy đến trước cửa doanh nghiệp tư nhân Kiến Hòa thuộc ấp P, xã P, V lục giỏ xách lấy 450.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo cất giữ rồi vứt bỏ giỏ xách cùng số tài sản còn lại bên đường. Khi về đến tiệm Internet 39, V chia cho T 300.000 đồng, V giữ lại 150.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo. Sau đó, V bán điện thoại di động hiệu Oppo cho một người đàn ông (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) được 350.000 đồng, số tiền này V cất giữ và tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 10 giờ ngày 24/6/2017, Lê Nguyễn Thùy T đi ngang công ty Kiến Hòa phát hiện giỏ xách, bên trong còn có các dụng cụ học tập của Thư nên nhặt đem giao nộp cho cơ quan Công an để xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- 01 giỏ xách bằng da màu đen, có hình Hello Kitty màu trắng.
 - 02 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, tác giả Lưu Hoàng Phi.
 - 02 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, tác giả Mai Lan Hương và Nguyễn Thanh Loan.
 - 01 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, chủ biên Nguyễn Hạnh Dung.
 - 01 cuốn vở 100 trang.
 - 02 cây viết mực màu xanh.
 - 01 cây thước nhựa dẻo dài 20cm.
- (do Lê Nguyễn Thùy T giao nộp).

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 771/KL-HĐĐG ngày 26/7/2017 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận:

- 01 giỏ xách bằng da màu đen, có hình Hello Kitty màu trắng. Trị giá tài sản ngày 24/6/2017: 60.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng. Trị giá tài sản ngày 24/6/2017: 2.320.000 đồng.

- 02 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, tác giả Lưu Hoàng Phi. Trị giá tài sản ngày 24/6/2017: 28.000 đồng.

- 02 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, tác giả Mai Lan Hương và Nguyễn Thanh Loan. Trị giá tài sản ngày 24/6/2017: 34.000 đồng.

- 01 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, chủ biên Nguyễn Hạnh Dung. Trị giá tài sản ngày 24/6/2017: 12.000 đồng.

- 01 cuốn vở 100 trang. Trị giá tài sản ngày 24/6/2017: 3.000 đồng.

- 02 cây viết mực màu xanh. Trị giá tài sản ngày 24/6/2017: 14.000 đồng.

- 01 cây thước nhựa dẻo dài 20cm. Trị giá tài sản ngày 24/6/2017: 2.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản V và T chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Anh T là 2.923.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/7/2017, Nguyễn Khắc Đ đến nhà nghỉ Sơn Thịnh rủ Trần Thanh V đi tìm T sản để giật thì V đồng ý. Để thực hiện ý định, Đ điều khiển xe mô tô biển số 71AA-100.58 (xe mượn của Phan Hữu H) chở V đi trên đường Nguyễn Thị Định, hướng từ ngã tư Tú Điền về ngã ba Phú Hưng. Khi đến đoạn gần cây xăng thuộc ấp P, xã P, thành phố B, cả hai phát hiện chị Bùi Thị Bích N đang ngồi trên xe mô tô biển số 71H3-9980 dừng ở bên kia đường nghe điện thoại. Thấy vậy, Đ điều khiển xe chạy qua một đoạn rồi dừng lại để V điều khiển xe chở Đ quay lại vượt lên áp sát bên trái xe của chị N để Đ ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại di động nhãn hiệu Lenevo A7000, màu đen của chị N rồi V nhanh chóng tăng ga xe chở Đ tẩu thoát. Sau khi giật được điện thoại di động của chị N, V và Đ đem điện thoại vừa giật được đến bán cho tiệm Thanh Thủy ở Phường H, thành phố B được 700.000 đồng, chia đều nhau tiêu xài. Hiện tài sản không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ: 01 hộp đựng điện thoại và 01 hóa đơn mua điện thoại di động nhãn hiệu Lenevo A7000, màu đen (do chị Bùi Thị Bích N giao nộp).

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 726/KL-HĐĐG ngày 11/7/2017 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Lenevo A7000, màu đen, số IMEI 1: 869045025163457, số IMEI 2: 869045025163465. Trị giá vào ngày 01/7/2017 là: 2.430.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 12 giờ ngày 03/7/2017, trong lúc đang chơi game tại tiệm Internet 39 ở Phường T, thành phố B, Nguyễn Khắc Đ nảy sinh ý định đi tìm tài sản để giật. Để thực hiện ý định, Đ điều khiển xe mô tô biển số 71AA-100.58 (xe mượn

của Phan Hữu H) từ thành phố B qua huyện C, tỉnh Bến Tre và lưu thông trên đường ĐH01 hướng từ vòng xoay Hữu Định về cầu Phong Năm. Khi đến khu vực thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, Đ phát hiện Đặng Thị Hoàng M điều khiển xe đạp điện chở Đặng Thị Hoàng D đang lưu thông theo hướng ngược lại, trong rổ xe đạp điện của M có để 01 giỏ xách, bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu đen, 02 quyển sách, 01 máy tính điện tử và 30.000 đồng. Thấy vậy, Đ điều khiển xe mô tô quay lại đuổi theo áp sát vào bên trái xe của M và dùng tay phải giật lấy giỏ xách của M rồi nhanh chóng tăng ga xe tẩu thoát. Sau khi giật được giỏ xách của M, Đ chỉ lấy 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu đen, các tài sản còn lại Đ vứt bỏ trên đường tẩu thoát. Sau đó Đ đem điện thoại vừa giật được của M bán cho Lê Xuân T được 700.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màn hình cảm ứng, màu đen (do Lê Xuân T giao nộp).
- 01 xe mô tô nhãn hiệu DEALIMKD, màu đen bạc, biển số 71AA-100.58 (do Phan Hữu H giao nộp).

Theo bản kết luận định giá trị tài sản số 792/KL-HĐĐG ngày 14/9/2017 của Hội đồng định giá huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màn hình cảm ứng, màu đen, trị giá vào ngày 03/7/2017 là 1.200.000 đồng; 01 giỏ xách màu cam không rõ hiệu, trị giá vào ngày 03/7/2017 là 90.000 đồng; 02 quyển sách loại sách photo dùng để học thiết kế đồ họa và 01 máy tính điện tử Casio Fx500 không nhớ rõ lúc mua là bao nhiêu tiền. Hội đồng không có cơ sở để xác định giá nên không định giá được nội dung này.

Tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt của bị hại Đặng Thị Hoàng M là 1.290.000 đồng

Vụ thứ năm: Vào khoảng 14 giờ ngày 04/7/2017, Nguyễn Khắc Đ nảy sinh ý định đi tìm T sản để giật. Để thực hiện ý định, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave không rõ biển số (xe mượn của L – không rõ họ và địa chỉ cụ thể) lưu thông trên đường lộ liên ấp PH – P thuộc xã P, thành phố B hướng ra đường lộ Bờ Đấp. Khi đến đoạn thuộc ấp P, xã P, thành phố B, Đ phát hiện em Nguyễn Thị Bảo N (Sinh năm: 2000) đang điều khiển xe đạp điện cùng chiều phía trước, bên trong rổ xe đạp điện có để 01 giỏ xách bằng vải thổ cẩm màu nâu đỏ, có hình con chim cánh cụt, bên trong giỏ có 01 máy tính Casio FX 570 màu xám, 01 cuốn sách giáo khoa tiếng Anh lớp 12, 01 cuốn tập 200 trang, 06 cây viết mực màu xanh nhãn hiệu Thiên Long, 02 cây viết mực màu đỏ nhãn hiệu Thiên Long, 01 cây thước nhựa dẻo dài 15cm và 01 bóp tiền bằng da màu đen, trong bóp có 181.000 đồng. Thấy vậy, Đ điều khiển xe mô tô vượt lên sát bên phải xe của N, dùng tay giật lấy giỏ xách của N rồi nhanh chóng tăng ga xe tẩu thoát. Sau khi giật được giỏ xách, Đ chỉ lấy số tiền 181.000 đồng, số T sản còn lại Đ vứt bỏ xuống kênh thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Hiện tài sản không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam: 20.000 đồng (do Nguyễn Khắc Đ giao nộp).

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 769/KL-HĐĐG ngày 25/7/2017 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận:

- 01 giỏ xách bằng vải thổ cẩm màu nâu đỏ, có hình con chim cánh cụt, trị giá tài sản ngày 04/7/2017 là 120.000 đồng.

- 01 máy tính Casio FX 570 màu xám, trị giá tài sản ngày 04/7/2017 là 75.000 đồng.

- 01 cuốn sách giáo khoa tiếng Anh lớp 12, trị giá tài sản ngày 04/7/2017 là 14.500 đồng.

- 01 cuốn tập 200 trang, trị giá tài sản ngày 04/7/2017 là 10.000 đồng.

- 01 bóp tiền bằng da màu đen, trị giá tài sản ngày 04/7/2017 là 20.000 đồng.

- 06 cây viết mực màu xanh nhãn hiệu Thiên Long, trị giá tài sản ngày 04/7/2017 là 42.000 đồng.

- 02 cây viết mực màu đỏ nhãn hiệu Thiên Long, trị giá tài sản ngày 04/7/2017 là 6.000 đồng.

- 01 cây thước nhựa dẻo dài 15cm, trị giá tài sản ngày 04/7/2017 là 1.500 đồng

Tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Bảo N là 289.181 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 04/KSĐT-KT ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Nguyễn Khắc Đ, Trần Thanh V và Tạ Tấn T về tội “*Cướp giật T sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu giữ nguyên nội dung nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Khắc Đ, Trần Thanh V và Tạ Tấn T phạm tội “*Cướp giật T sản*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc Đ từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm g, p khoản 1 Điều 46; các điểm g, h, n khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Trần Thanh V từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Tạ Tấn T từ 01 năm đến 02 năm tù.

- Áp dụng các Điều 357, 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Buộc bị cáo Đ và V liên đới bồi thường cho bị hại T 2.600.000 đồng và bị hại N 2.430.000 đồng; Buộc bị cáo Đ bồi thường cho bị hại N 289.181 đồng; Buộc bị cáo V tiếp tục bồi thường cho bị hại T 1.370.000 đồng; Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000 đồng của bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án; Tịch thu tiêu hủy 02 hộp điện thoại di động và 01 hóa đơn mua điện thoại di động.

Các bị cáo V, Đ, T có lời khai nhận các bị cáo có rủ rờ và thực hiện riêng lẻ các lần giật T sản của những bị hại trên các địa bàn huyện M, C và thành phố B. Cụ thể như: Ngày 12/6/2017 trên Quốc lộ 60 thuộc khu phố B, thị trấn M, huyện M, bị cáo V cùng bị cáo Đ điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô của chị T giật lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 Prime màu hồng. Ngày 24/6/2017, bị cáo V và bị cáo T điều khiển xe mô tô áp sát xe và giật của chị T 01 giỏ xách bên trong có 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, số tiền Việt Nam 450.000 đồng, 05 sách bài tập tiếng Anh lớp 8, 01 quyển vở, 02 viết mực màu xanh và 01 cây thước nhựa. Ngày 01/7/2017, trên đường Nguyễn Thị Định thuộc ấp P, xã P, thành phố B, bị cáo Đ cùng bị cáo V điều khiển xe mô tô áp sát và giật của chị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenevo A7000. Ngày 03/7/2017, trên đường ĐH thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, một mình bị cáo Đ điều khiển xe mô tô áp sát và giật của chị M 01 giỏ xách bên trong có 30.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, 02 quyển sách và 01 máy tính điện tử. Ngày 04/7/2017, trên lộ Bờ Đấp thuộc ấp P, xã P, thành phố B, một mình bị cáo Đ điều khiển xe mô tô áp sát xe và giật của chị N 01 giỏ xách bằng vải thổ cẩm màu nâu đỏ, bên trong có 01 bóp da màu đen có 181.000 đồng tiền mặt, 01 máy tính Casio, 01 quyển sách giáo khoa tiếng Anh lớp 12, 01 quyển tập 200 trang, 06 cây viết mực màu xanh hiệu Thiên Long, 02 cây viết mực màu đỏ hiệu Thiên Long và 01 cây thước bằng nhựa dẻo. Sau khi giật được các T sản trên, các bị cáo bán và chia nhau tiêu xài (đối với các vụ thực hiện chung). Những vụ thực hiện chung, trước khi thực hiện các bị cáo đều thống nhất đồng ý giật lấy T sản để tiêu xài. Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Tạ Tấn T phát biểu đồng ý với nội dung bản các trạng về tội danh và điều luật truy tố đối với bị cáo T. Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại. Bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức chưa đầy đủ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị hại chị Trần Thanh T trình bày: Chị bị các bị cáo giật của chị 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 Prime. Các bị cáo chưa bồi thường cho chị, chị yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị theo giá của Hội đồng định giá T sản xác định là 2.600.000 đồng. Chị Đặng Thị Hoàng M và đại diện hợp pháp của chị M trình bày T sản chị bị chiếm đoạt gồm 01 giỏ xách bên trong có 01 điện thoại di động, 30.000 đồng, 02 quyển sách, 01 máy tính điện tử. Chị đã nhận lại được 01 điện thoại di động, còn các T sản khác chị không yêu cầu bồi thường.

Người làm chứng chị Đặng Thị Hoàng D trình bày chị cùng với chị M là chị của chị đang điều khiển xe thì bị Đ giật giỏ xách của chị M như lời trình bày của bị cáo Đ tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Hữu H trình bày: Bị cáo V khi hỏi mượn xe của anh nói là mượn đi công việc. Anh không biết V mượn xe để đi giật T sản, hiện nay anh đã nhận lại T sản xong và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo V, Đ và T khai tại phiên tòa nhiều lần điều khiển xe mô tô áp sát vào các xe mô tô của những bị hại cùng đang lưu thông trên đường để giật T sản lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nguyên nhân do các bị cáo chơi game, không có tiền, bàn bạc và rủ nhau thực hiện. Các bị cáo đã thực hiện trên địa bàn các huyện M, C, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Các bị cáo V cùng bị cáo Đ thực hiện 02 vụ trên địa bàn huyện M (chiếm đoạt của bị hại Thúy) và thành phố B (chiếm đoạt của bị hại N); bị cáo V cùng bị cáo T thực hiện 01 vụ trên địa bàn thành phố B (chiếm đoạt của bị hại T); bị cáo Đ 01 mình thực hiện 02 vụ trên địa bàn huyện C và thành phố B (chiếm đoạt của bị hại M và bị hại N). Đối chiếu lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau. Đối chiếu lời khai của các bị cáo và những bị hại, người làm chứng là phù hợp nhau. Các lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra về thời gian, địa điểm, phương thức, thủ đoạn thực hiện, số lượng và đặc điểm các tài sản bị cáo chiếm đoạt. Đối với những vụ các bị cáo cùng thực hiện thì trước khi thực hiện các bị cáo có bàn bạc thống nhất trước, sau khi giật được tài sản có cùng chia nhau để tiêu xài. Thủ đoạn các bị cáo thực hiện là dùng phương tiện xe mô tô áp sát vào các phương tiện xe mô tô khác đang lưu thông trên đường, sau khi giật được tài sản đã tăng ga nhanh chóng chạy thoát. Tất cả các vụ giật tài sản của các bị hại hậu quả đều đã xảy ra. Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi các bị cáo thực hiện là nguy

hiểm và vi phạm pháp luật. Xuất phát từ động cơ vụ lợi, các bị cáo đã cố ý cùng thực hiện để thỏa mãn mục đích của mình, Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Khắc Đ, Trần Thanh V, Tạ Tấn T đồng phạm tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo V, Đ và T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân trong thời gian qua nhất là khi tham gia lưu thông trên đường và tham gia các hoạt động sinh hoạt khác.

[4] Đây là vụ đồng phạm mang tính giản đơn, trước và trong khi thực hiện các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ; ngoài hành vi đồng phạm, bị cáo Đ còn thực hiện hành vi phạm tội độc lập khác. Vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo trong vụ án thể hiện như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Khắc Đ giữ vai trò là người rủ rê bị cáo Trần Thanh V thực hiện hành vi cướp giật, đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi phạm tội (02 lần thực hiện đồng phạm và 02 lần thực hiện độc lập) chịu trách nhiệm hình sự trên tổng số tiền chiếm đoạt là 6.609.181 đồng nên bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần, đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, gia đình của bị cáo là gia đình có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Thanh V giữ vai trò là người rủ rê bị cáo Nguyễn Khắc Đ và Tạ Tấn T thực hiện hành vi cướp giật, đồng thời bị cáo cũng giữ vai trò là người thực hành trong các vụ án. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi phạm tội (03 lần thực hiện đồng phạm) chịu trách nhiệm hình sự trên tổng số tiền chiếm đoạt là 7.953.000 đồng, đồng thời bị cáo là người rủ rê bị cáo T là người chưa thành niên chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Thị Anh Thu là trẻ em nên bị cáo đã phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần, phạm tội đối với trẻ em và xúi giục người chưa thành niên phạm tội được quy định tại điểm g, h, n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Tạ Tấn T đã 01 lần cùng bị cáo V thực hiện hành vi cướp giật tài sản với giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.923.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có

tiền án tiền sự, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên khả năng nhận thức và điều khiển hành vi có phần hạn chế, vì vậy cần áp dụng những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo đã cùng bị cáo V chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Thị Anh Thư là trẻ em nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội đối với trẻ em được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải nên đã tác động gia đình bồi thường dân sự cho bị hại, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hậu quả do hành vi bị cáo gây ra cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về phân trách nhiệm dân sự:

- Chị Trần Thanh T bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, Hội đồng định giá xác định giá trị 2.600.000 đồng. Chị T yêu cầu các bị cáo bồi thường theo giá trị đó là phù hợp nên được chấp nhận. Bị cáo Đ và V chiếm đoạt nên buộc 02 bị cáo liên đới bồi thường cho chị T 2.600.000 đồng.

- Chị Bùi Thị Bích N bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Lenevo A 7000, Hội đồng định giá xác định giá trị 2.430.000 đồng. Chị N yêu cầu các bị cáo bồi thường theo giá trị đó là phù hợp nên được chấp nhận. Bị cáo Đ và V chiếm đoạt nên buộc 02 bị cáo liên đới bồi thường cho chị N 2.430.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Anh T bị chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Oppo, tiền 450.000 đồng cùng các quyển sách, vở học sinh, Hội đồng định giá xác định giá trị tổng các tài sản đó là 2.923.000 đồng. Chị T yêu cầu các bị cáo bồi thường 2.770.000 đồng. Bị cáo T và V chiếm đoạt nên buộc 02 bị cáo liên đới bồi thường cho chị Thư 2.770.000 đồng. Bị cáo T chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản nên buộc cha mẹ bị cáo T cùng chịu trách nhiệm bồi thường. Bị cáo T đã tác động cha mẹ bị cáo bồi thường cho chị Thư trước 1.400.000 đồng (cao hơn ½ giá trị bồi thường) nên ghi nhận. Còn lại số tiền 1.370.000 đồng chị Thư yêu cầu tiếp tục bồi thường, do đó buộc bị cáo V phải chịu trách nhiệm bồi thường cho chị Thư 1.370.000 đồng.

- Chị Đặng Thị Hoàng M bị chiếm đoạt tài sản 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, 02 quyển sách, 01 máy tính, số tiền 30.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản xác định tổng giá trị là 1.290.000 đồng. Chị M đã nhận lại được 01 điện thoại di động và không yêu cầu bồi thường gì khác nên được ghi nhận.

- Chị Nguyễn Thị Bảo N bị chiếm đoạt các tài sản như giỏ xách, máy tính Casio FX570, 01 quyển sách giáo khoa tiếng Anh, 01 quyển tập 200 trang, 06 viết mực màu xanh, 02 viết mực màu đỏ Thiên Long, 01 thước nhựa dẻo, 01 bóp da và số tiền 181.000 đồng. Hội đồng định giá xác định giá trị tài sản đó tổng cộng 289.181 đồng. Chị N yêu cầu bị cáo bồi thường theo giá trị đó là phù hợp. Một mình bị cáo Đ chiếm đoạt nên buộc bị cáo Đ bồi thường cho chị N.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Bị cáo Nguyễn Khắc Đ đã bán điện thoại di động mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại D cho anh T với số tiền là 700.000 đồng nhưng anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên. Xét thấy, đây là số tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Anh T 01 giỏ xách bằng da màu đen, có hình Hello Kitty màu trắng, 04 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, 01 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, 01 cuốn vở 100 trang, 02 cây viết mực màu xanh và 01 cây thước nhựa dẻo dài 20cm; trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Hữu H 01 xe mô tô nhãn hiệu DEALIMKD, màu đen bạc, biển số 71AA-100.58; trả cho bị hại Đặng Thị Hoàng M 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màn hình cảm ứng, màu đen.

Vật chứng còn đang thu giữ trong vụ án là 01 hộp điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, số IMEI: 355079/08/261290/9; 01 hộp đựng điện thoại và 01 hóa đơn mua điện thoại di động nhãn hiệu Lenevo A7000, màu đen và số tiền 20.000 đồng. Xét thấy, 02 hộp đựng điện thoại di động và hóa đơn mua điện thoại là vật thuộc quyền sở hữu của bị hại Thúy và bị hại N nhưng các bị hại không yêu cầu nhận lại và hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 20.000 đồng là tiền của bị cáo Đ nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy hoàn cảnh kinh tế, tính chất, mức độ tội phạm của các bị cáo, việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là không cần thiết nên không áp dụng.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo Nguyễn Khắc Đ, Trần Thanh V và Tạ Tấn T về tội danh theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đề nghị áp dụng là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời phát biểu của người bào chữa cho bị cáo T tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị cho bị cáo T hưởng án treo đối với quy định pháp luật về điều kiện hưởng án treo thì bị cáo T không đủ điều kiện và không có tác dụng răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Đối với hành vi của các bị cáo T, V, Đ khai ngoài lần thực hiện các lần cướp giật bị xử lý này còn tham gia các lần cướp giật khác trên địa bàn xã M, S, P, B, Phường T, Phường S và phường P, thành phố B; xã M, huyện G; xã Tân Thạch, H, Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Hiện nay chưa tìm được bị hại, Cơ quan điều tra đã tách ra để xử lý riêng, khi nào tìm được bị hại sẽ xử lý ở vụ án khác.

[11] Đối với Phan Hữu H khi cho Nguyễn Khắc Đ mượn xe mô tô biển số 71AA-10098, Hồ Phương K khi cho Tạ Tấn T mượn xe mô tô biển số 71B2-593.94 không biết Đ và T sử dụng làm phương tiện đi cướp giật tài sản và Lê Xuân T khi mua điện thoại di động hiệu Mobiistar màn hình cảm ứng, màu đen do Nguyễn Khắc Đ bán không biết đây là tài sản do Đ phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Khắc Đ, Trần Thanh V và Tạ Tấn T phải nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Khắc Đ (Bánh C), Trần Thanh V (V Hí) và Tạ Tấn T (Nhóc T) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc Đ (Bánh C) 05 (năm) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2017.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g, h, n khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh V (V Hí) 04 (bốn) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2017.

1.3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; các điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Tạ Tấn T (Nhóc T) 01 (một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 357, 584, 585, 586, 587, 589, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Ghi nhận bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Anh T trước số tiền 1.400.000 (một triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Khắc Đ và Trần Thanh V phải liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thanh T số tiền 2.600.000 (hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng, trong đó

phần mỗi bị cáo chịu 1/2; bồi thường cho bị hại Bùi Thị Bích N số tiền 2.430.000 (hai triệu, bốn trăm, ba mươi nghìn) đồng trong đó phần mỗi bị cáo chịu 1/2.

- Buộc bị cáo Nguyễn Khắc Đ bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Bảo N số tiền 289.181 (hai trăm, tám mươi chín nghìn, một trăm tám mươi mốt) đồng.

- Ghi nhận Đặng Thị Hoàng M đã nhận lại tài sản 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màn hình cảm ứng màu đen và không có yêu cầu gì khác.

- Buộc bị cáo Trần Thanh V phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Anh Tsố tiền 1.370.000 (một triệu, ba trăm, bảy mươi nghìn) đồng.

- Ghi nhận anh Lê Xuân T không yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả lại cho anh số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng do anh mua điện thoại di động của bị cáo.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng bị cáo phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Buộc bị cáo Nguyễn Khắc Đ nộp 700.000 (bảy trăm ngàn) đồng tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

4. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, số IMEI: 355079/08/261290/9 và 01 (một) hộp đựng điện thoại và 01 (một) hóa đơn mua điện thoại di động nhãn hiệu Lenevo A7000, màu đen.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000 (hai mươi ngàn) đồng của bị cáo Nguyễn Khắc Đ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 0000890 ngày 28/12/2017, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý)

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Anh T 01 giở xách bằng da màu đen, có hình Hello Kitty màu trắng, 04 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, 01 cuốn sách bài tập Tiếng Anh lớp 8, 01 cuốn vở 100 trang, 02 cây viết mực màu xanh và 01 cây thước nhựa dẻo dài 20cm; trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Hữu H 01 xe mô tô nhãn hiệu DEALIMKD, màu đen bạc, biển số 71AA-100.58; trả cho bị hại Đặng Thị Hoàng M 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màn hình cảm ứng, màu đen.

5. Áp dụng Điều 23; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Nguyễn Khắc Đ, Trần Thanh V và Tạ Tấn T mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Khắc Đ và Trần Thanh V mỗi bị cáo phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường T, xã P, thành phố B (2b);
- UBND xã H, huyện T (1b);
- Người bào chữa (1b);
- Các bị cáo và NTGTT (16b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình